

Bản án số: 19a/2023/HNGĐ-ST

Ngày 02 - 6- 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
*Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: Ông Chu Hồng Thái; Ông Nguyễn Việt Hưng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thủy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Tranh chấp hôn nhân và gia đình thụ lý số 250/2022/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lục Văn K, sinh năm 1979 (Có mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Xóm T, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Lê Thị Vi L, sinh năm 1984 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Xóm T, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện tại: Số , đường B, Phường , thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lục Văn K trình bày: Tôi kết hôn với chị Lê Thị Vi L năm 2005 trên cơ sở tự nguyện có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn cô Liên về nhà tôi làm dâu không mang theo tài sản riêng gì ngoài đồ dùng tư trang cá nhân. Hai vợ chồng ở chung với gia đình bố mẹ đẻ tôi đến khi vợ chồng sống ly thân. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến năm 2018 chị L bỏ vào Miền nam làm ăn, sinh sống không về nhà, thỉnh thoảng chị L chỉ gọi điện về hỏi thăm con, vợ chồng không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và chị L có 02 con chung:

1. Cháu Lục Hồng N, sinh ngày 24/11/2006
2. Cháu Lục Đại V, sinh ngày 28/3/2012

Hiện nay cháu N đang ở cùng tôi, cháu V đang ở cùng chị L tại thành phố Vũng Tàu. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi cháu N và đề nghị giao cháu V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét do mỗi người đã nuôi 01 con chung

Về tài sản: Tôi không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án do chị L hiện đang sinh sống tại thành phố Vũng Tàu, Tòa án đã tiến hành ủy thác theo quy định, tại các lời khai trong quá trình ủy thác chị L trình bày: Tôi kết hôn với anh K năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Trong thời gian chung sống vợ chồng không ai có tài sản chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian sau khi kết hôn vợ chồng dần dần không còn tình cảm với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc vì vợ chồng không cùng quan điểm sống, không cùng chung tiếng nói một thời gian dài và cảm thấy vợ chồng sống với nhau không còn hạnh phúc nữa nên vợ chồng đã sống ly thân được 02 năm, nay anh K làm đơn xin ly hôn tôi xác định không còn tình cảm với anh K và nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh K

Về con chung: Tôi và anh Kiên có 02 con chung:

1. Cháu Lục Hồng N, sinh ngày 24/11/2006
2. Cháu Lục Đại V, sinh ngày 28/3/2012

Hiện nay cháu N đang ở cùng anh Kiên, cháu V đang ở cùng tôi tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi cháu V và đề nghị giao cháu Ngát cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét do mỗi người đã nuôi 01 con chung.

Về tài sản: Tôi không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn anh K giao nộp gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Lục Văn K và Lê Thị Vi L (bản chính), 02 Giấy khai sinh của con chung mang tên Lục Hồng N và Lục đại V (cùng bản sao), 01 Sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Đặng Thị L (bản sao) và 01 Căn cước công dân mang tên Lục Văn K (bản sao). Chị L không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên xử:

- + Cho anh Lục Văn K được ly hôn chị Lê Thị Vi L.
- + Về con chung: Giao con chung Lục Hồng N, sinh ngày 24/11/2006 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Lục Đại V, sinh ngày 28/3/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét do các đương sự không đề nghị.
- + Về tài sản: Không xem xét.
- + Về án phí: Anh K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định.

Quá trình giải quyết, do chị L hiện đang cư trú tại thành phố Vũng Tàu, chị không tham dự được phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị đề nghị xin giải quyết và xét xử vắng mặt nên phải đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chị Lê Thị Vi L có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa chị L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt chị L là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Lục Văn K và chị Lê Thị Vi L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định pháp luật nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phía anh K cho rằng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến năm 2018 chị L bỏ vào Miền nam làm ăn, sinh sống không về nhà, thỉnh thoảng chị L chỉ gọi điện về hỏi thăm con, vợ chồng không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, tại phiên tòa anh vẫn giữ nguyên quan điểm. Phía chị L cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian sau khi kết hôn thì vợ chồng dần dần không còn tình cảm với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc vì vợ chồng không cùng quan điểm sống, không cùng chung tiếng nói một thời gian dài và cảm thấy vợ chồng sống với nhau không còn hạnh phúc nữa nên vợ chồng đã sống ly thân được 02 năm, không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, nay anh K làm đơn xin ly hôn, chị xác định không còn tình cảm với anh K và nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh K và chị xin xét xử vắng mặt do chị đang làm ăn xa.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh K và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ nhiều năm và chấm dứt mọi quan hệ, nay cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị xin ly hôn, do chị L đang làm ăn xa nên chị xin xét xử vắng mặt. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., hơn nữa nay cả hai bên đều xác định đã sống ly thân, không ai quan tâm gì đến nhau và không còn tình cảm, do đó xét đề nghị xin ly hôn của anh K là có căn cứ cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị của anh K, cho anh Lục Văn K được ly hôn chị Lê Thị Vi L là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án cả hai bên đều xác định vợ chồng có 02 chung:

1. Cháu Lục Hồng N, sinh ngày 24/11/2006

2. Cháu Lục Đại V, sinh ngày 28/3/2012

Hiện nay cháu N đang ở cùng anh K, cháu V đang ở cùng chị L tại thành phố Vũng Tàu. Khi ly hôn anh Kiên có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi cháu N và chị L có nguyện vọng xin được quyền nuôi cháu V, cả hai bên đề không đề nghị xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cả hai bên mỗi người đã nuôi 01 con chung, cháu V đang ở cùng với chị L tại thành phố Vũng Tàu từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu N đang ở cùng với anh K từ khi vợ chồng sống ly thân, hơn nữa xét nguyện vọng của hai con chung cháu N có nguyện vọng xin ở với anh K và cháu V có nguyện vọng xin ở với chị L nên cần thiết giao con chung cho các bên đương sự theo nguyện vọng của anh K, chị L, cháu N và cháu V là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét do mỗi người đã nuôi 01 con chung và đương sự không đề nghị.

Về quyền thăm nom con chung: Anh K, chị L được quyền được quyền đi lại trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung mà không bị ai cản trở.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa đương sự không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh K phải chịu án phí LHST sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lục Văn K, cho anh K được ly hôn chị Lê Thị Vi L.

2. Về con chung: Giao con chung Lục Hồng N, sinh ngày 24/11/2006 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Lục Đại V, sinh ngày 28/3/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, trừ trường hợp anh K, chị L có thỏa thuận khác hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Anh K, chị L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng các con chung mà không bị ai cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí. Anh K phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Được trừ 300.000 đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004133 ngày 13/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho anh K biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/ báo cho UBND xã T;
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Ngọc Hải